

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
THƯ VIỆN



THƯ MỤC SÁCH MỚI

SỐ 03 / 2009

Đà Nẵng, tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

	Trang
1. Tin học	1
2. Tâm lý học – Xã hội học	5
3. Luật, giáo dục	7
4. Lý luận chính trị	8
5. Ngôn ngữ	9
6. Khoa học tự nhiên	27
7. Điện tử - Viễn thông	29
8. Môi trường	38
9. Kế toán	38
10. Quản trị - kinh doanh	42
11. Kiến trúc	49
12. Du lịch	49
13. Văn học	50

000 TIN HỌC, THÔNG TIN,...

1/ Phương pháp luận nghiên cứu khoa học và thực hiện nghiên cứu khoa học/

PGS.TS Nguyễn Duy Bảo .- H.: Bưu điện, 2007.- 291 tr; 21 cm.

Trình bày vai trò, vị trí môn phương pháp luận nghiên cứu khoa học; Khái niệm về khoa học, công nghệ và kỹ thuật; Vấn đề về giả thuyết khoa học; Nghiên cứu khoa học và đề tài nghiên cứu khoa học; Tư duy logic và ứng dụng trong nghiên cứu khoa học; ..

KHPL: 001. 42

2/ Phát triển hệ thống thông tin/ Ngô Trung Việt.- H.: Khoa Học và Kỹ Thuật, 2001 .- 408 tr; 21 cm.

Cuốn sách giới thiệu tổng quan ngắn gọn về tình hình phát triển công nghệ thông tin trên thế giới và ứng dụng của nó vào mọi mặt cuộc sống, đặc biệt vào quản lí các tổ chức hiện nay, giới thiệu về các cách thức và phương pháp luận xây dựng hệ thống thông tin dựa trên máy tính.....

KHPL: 004

3/ Sổ tay công nghệ thông tin và truyền thông: Dành cho các nhà quản lý/ TS Lê Thanh Dũng.- H.: Bưu Điện, 2008.- 294 tr; 21 cm.

Giới thiệu tới các nhà quản lý về công nghệ thông tin và truyền thông cơ bản như hệ thống truyền dẫn, mạng truyền thông, các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông đối với doanh nghiệp.

KHPL: 004

4/ Kỹ thuật Vi xử lý: Giáo trình: Tập 1/ TS Hồ Khánh Lâm.- H.: Bưu điện, 2008.- 538 tr; 24 cm.

Đề cập những khái niệm cơ bản về vi xử lý, về công nghệ của một số vi xử lý thông dụng từ 8-bit đến 64-bit, từ kiến trúc tập lệnh phức tạp (CISC) đến kiến trúc tập lệnh giảm thiểu (RISC); cấu trúc và hoạt động của vi xử lý; tập lệnh của vi xử lý; lập trình bằng hợp ngữ; ...

KHPL: 004.165

5/ Kỹ thuật Vi xử lý: Giáo trình: Tập 2/ TS Hồ Khánh Lâm.- H.: Bưu điện, 2008.- 586 tr; 24 cm.

Đề cập những khái niệm cơ bản về vi xử lý, về công nghệ của một số vi xử lý thông dụng từ 8-bit đến 64-bit, từ kiến trúc tập lệnh phức tạp (CISC) đến kiến trúc tập lệnh giảm thiểu (RISC) như ghép nối CPU với bộ nhớ và các thiết bị ngoại vi; các phương pháp điều khiển vào /ra dữ liệu; giới thiệu các bộ nhớ vi xử lý công nghệ tiên tiến; bộ vi điều khiển.

KHPL: 004.165

6/ Chuyển mạch mềm và ứng dụng trong mạng viễn thông thế hệ sau/ ThS. Dương Văn Thành .- H.: Bưu điện, 2006.- 173 tr; 27 cm.

Giới thiệu về hiện trạng, xu hướng phát triển của mạng viễn thông và công nghệ thông tin; khái niệm cơ bản về NGN và chuyển mạch mềm; Mô hình tham chiếu chuyển mạch mềm, các giao thức của chuyển mạch mềm.

KHPL: 004. 6

7/ Công nghệ VoIP và các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ/ ThS. Ngô Xuân Thành. – H.: Bưu Điện, 2005. – 279 tr. ; 21 cm

Cung cấp thông tin về tổng quan giao thức TCP/IP; Công nghệ VoIP; QoS và các yếu tố chính ảnh hưởng đến chất lượng thoại IP; Giải pháp nâng cao chất lượng thoại

KHPL: 004.6

8/ Hỏi - đáp sự cố máy tính và phần mềm thông dụng/ Th.S. Dương Trần Đức. – H. : Bưu Điện, 2007. – 228 tr. ; 21 cm

Trình bày 6 chương: 1. Hỏi đáp phần cứng máy tính; 2. Hỏi đáp hệ điều hành Window XP; 3. Hỏi - đáp trình duyệt Web; 4. Hỏi - đáp phần mềm bảng tính MS Word; 5. Hỏi - đáp phần mềm bảng tính MS Excel; 6. Hỏi - đáp vi rút máy tính.

KHPL: 004.6

9/ Công nghệ mạng máy tính/ TS Phạm Thế Quế .- H.: Bưu Điện, 2008.- 522 tr; 21 cm.

Giới thiệu khái niệm cơ bản về mạng máy tính; Mô hình các hệ thống mở OSI; Giao thức TCP/IPv4 và TCP/IPv6; Kỹ thuật mạng cục bộ; Mạng diện rộng WAN; Mạng tốc độ cao và ứng dụng các công nghệ mới khác; Kỹ thuật định tuyến và các giao thức định tuyến; ...

KHPL: 004.6

10/ Kỹ thuật đo kiểm mạng viễn thông số/ Phan Nam Bình.- H.: Bưu Điện, 2004 .- 357 tr; 24 cm.

Gồm 2 phần 1. Những nguyên lý cơ bản; Phần 2. Các kỹ thuật đo.

KHPL: 004.6

11/ Chuyển mạch mềm và ứng dụng trong mạng viễn thông thế hệ sau/ ThS. Dương Văn Thành .- H.: Bưu Điện, 2006 .- 173 tr; 27 cm.

Giới thiệu về hiện trạng, xu hướng phát triển của mạng viễn thông và công nghệ thông tin; khái niệm cơ bản về NGN và chuyển mạch mềm; Mô hình tham chiếu chuyển mạch mềm, các giao thức của chuyển mạch mềm.

KHPL: 004.6

12/ Mạng ngoại vi thiết kế thi công và quản lý/ TS. Bùi Thanh Giang, TS.Nguyễn Văn Dũng, KS. Vũ Hồng Sơn .- H.: Bưu Điện, 2006 .- 232 tr; 27 cm.

Đề cập một cách tổng thể về tổ chức và cấu trúc mạng vi; Khảo sát, thiết kế, thi công mạng ngoại vi; Bảo vệ mạng ngoại vi khỏi ảnh hưởng của điện trường và từ trường; Nghiệm thu các công trình ngoại vi; an toàn lao động trong khảo sát, thiết kế,...

KHPL: 004.6

13/ Chuyển mạch nhãn đa giao thức MPLS/ TS. Trần Công Hùng.- H.: Bưu điện, 2009.- 291 tr; 27 cm.

Giới thiệu lý thuyết cơ bản của chuyển mạch nhãn; Chuyển mạch nhãn đa giao thức MPLS; Chất lượng dịch vụ; Định tuyến; Mạng riêng ảo; Xây dựng mạng đường trục MPLS; Mạng quang, GMPLS; Mô phỏng hoạt động mạng MPLS và DIFSERV.

KHPL: 004.678

14/ Giới thiệu về thể hệ địa chỉ internet mới IPv6/ Nguyễn Thị Thu Thủy.- H.: Bưu Điện, 2006.- 184 tr; 27 cm.

Giới thiệu internet phiên bản 4 (IPv4) và thể hệ địa chỉ ineternet mới (IPv 6); Cấu trúc địa chỉ IPv6; Các thủ tục và quy trình hoạt động cơ bản của địa chỉ IPv6; Công nghệ chuyển đổi giao tiếp IPv 6 – IPv 4; Thiết lập mạng thử nghiệm chỉ dùng..

KHPL: 004.678

15/ Kỹ thuật lập trình C: Cơ sở và nâng cao/ Phạm Văn Ất, Nguyễn Hiếu Cường, Đỗ Văn Tuấn, ...- Tp.HCM.: nxb Hồng Đức, 2009.- 423 tr; 24 cm.

Nội dung: Các khái niệm cơ bản; Hằng, biến và mảng; Biểu thức; vào ra; Các toán tử điều khiển; Hàm và cấu trúc chương trình; Cấu trúc; Quản lý màn hình và của sổ; Đồ họa; Thao tác trên các tệp tin; Lưu trữ dữ liệu và tổ chức bộ nhớ chương trình; Các chỉ thị tiền xử lý; Sử dụng ngắt trong c; Truy cập trực tiếp vào bộ nhớ,...

KHPL: 005.113

16/ Hệ điều hành/ Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.-H.: Bưu Điện, 2004.- 223 tr; 27 cm.

Giới thiệu về hệ điều hành, khảo sát việc quản lý tiến trình, quản lý vi xử lý, quản lý bộ nhớ, quản lý xuất nhập, quản lý tập tin,...

KHPL: 005.43

17/ Cấu trúc Dữ liệu và thuật giải/ Nguyễn Đình Hóa. – H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008. – 247 tr.; 21 cm

Giới thiệu 10 chương: Các khái niệm mở đầu; Cách sắp xếp các thuật giải cơ sở; Mô hình danh sách; Kiểu ngăn xếp và kiểu hàng đợi; Danh sách móc nối; Mô hình cây; Cây tìm kiếm nhị phân; Tập hợp bảng và từ điển; Phân hoạch; ...

KHPL: 005.73

18/ Cơ sở dữ liệu: Lý thuyết và thực hành: Giáo trình/ TS Phạm Thế Quế.- H.: Bưu Điện, 2004 .- 367 tr; 24 cm.

Trình bày khái niệm cơ bản về các hệ cơ sở dữ liệu; Các mô hình cơ sở dữ liệu; Mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ; Kỹ thuật thiết kế các hệ cơ sở dữ liệu; Các ngôn ngữ thao tác dữ liệu; Tối ưu hoá các câu hỏi; bảo mật và an toàn dữ liệu.

KHPL: 005.74

19/ An ninh trong thông tin di động/ TS Nguyễn Phạm Anh Dũng.- H.: Bưu Điện, 2006.- 281 tr; 21 cm.

Giới thiệu tổng quan an ninh thông tin di động; Công nghệ an ninh trong GSM và GPRS; Công nghệ an ninh trong 3G UMTS; Công nghệ an ninh trong MIP; Công nghệ an ninh trong cdma 2000; An ninh trong chuyển mạng 2G sang 3G, hiện trạng an ninh 2G tại Việt Nam và thế giới; An ninh trong các mạng LAN vô tuyến;..

KHPL: 005.8

100. TÂM LÝ HỌC, XÃ HỘI HỌC,..

20/ Tâm lý học giao tiếp: Phần lý thuyết/ TS Nguyễn Văn Đồng.- H.: Chính trị - Hành chính, 2009.- 444 tr; 21 cm.

Trình bày nhập môn tâm lý học giao tiếp; Các phương pháp nghiên cứu giao tiếp; Các xu hướng nghiên cứu giao tiếp trên thế giới; Giao tiếp ngôn ngữ; Giao tiếp cận ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, văn hoá giao tiếp,

KHPL:153.6

21/ Đạo đức kinh doanh và văn hoá công ty: Pháp pháp môn học và hướng dẫn phân tích tình huống/ PGS.TS Nguyễn Mạnh Quân.- H.: ĐH Kinh tế Quốc dân, 2007.- 238 tr; 24 cm.

Trình bày một cách toàn diện vấn đề liên quan đến đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp; xây dựng đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hoạt động quản lý, tổ chức, marketing và quan hệ khách hàng...

KHPL: 174.4

22/ Từ điển văn hóa bách khoa/ Wordsworth reference.- H.: Văn hóa – Thông tin, 2006.- 723 p; 24 cm.

Từ điển văn hóa bách khoa tập hợp gần như đầy đủ và trọn vẹn các nhân vật, địa điểm, sự kiện văn hóa nổi bật nhất trên thế giới từ những năm 80 trở về trước thuộc các lĩnh vực chính trị, triết học, lịch sử, khoa học, công nghệ, vật lý, y học, toán học, kiến trúc, điện ảnh, văn học, thể thao...

KHPL: 306.03

23/ Dẫn luận ngôn ngữ học/ Nguyễn Thiện Giáp, Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Minh Thuyết.- H.: Giáo Dục, 2009.- 323 tr; 21 cm.

Trình bày bản chất và chức năng của ngôn ngữ, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu đặc biệt, từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp,...

KHPL: 410

24. Sách đỏ Việt Nam: Phần II: Thực vật = Vietnam red data book: Part II: Plants/ Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.- H.: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2007.- 611tr; 27 cm.

Giới thiệu các thứ hạng và tiêu chuẩn của UICN cho Danh lục đỏ và Sách Đỏ; Danh sách các loài thực vật và phân hạng trong Sách đỏ Việt Nam thuộc các ngành như: Mộc Lan, thông, dương xỉ, thông đất, rong đỏ, rong nâu, nấm; Bảng chỉ dẫn tên Việt Nam; Chú thích các loài thực vật trong sách đỏ.,...

KHPL: 590.9597

25. Sách đỏ Việt Nam: Phần I: Động vật = Vietnam red data book: Part I: Animals/ Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.- H.: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2007.- 515 tr; 27 cm.

Giới thiệu các thứ hạng và tiêu chuẩn của UICN cho Danh lục đỏ và Sách Đỏ; Danh sách các loài động vật và phân hạng trong Sách đỏ Việt Nam thuộc các ngành như: Thú, Chim, Bò sát – Lưỡng cư, Cá, Động vật không xương sống nước ngọt và biển; Bảng chỉ dẫn tên khoa học; Bảng chỉ dẫn tên Việt Nam

KHPL: 590.9597

340. LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, LUẬT

26/ Pháp luật đại cương: Giáo trình/ TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy, ThS Đào Thu Hà, Th.S Đỗ Kim Hoàng, ...H.: Giáo dục, 2009.- 284 tr; 24 cm.

Lý luận chung về Nhà nước và nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Pháp luật - khái niệm, bản chất, cơ chế điều chỉnh và giá trị xã hội; Hình thức pháp luật; Luật dân sự Việt Nam; Luật lao động Việt Nam; ...

KHPL: 340

27/ Pháp luật kinh tế: Giáo trình/ TS. Lê Thị Thanh.- H.: Tài chính, 2008.- 343 tr; 24 cm.

Lý luận chung về pháp luật kinh tế, pháp luật về chủ thể kinh doanh, pháp luật hợp đồng, pháp luật giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật tài chính,..

KHPL: 343.07

28/ Bộ luật dân sự.- H. Chính trị Quốc gia, 2008.- 386 tr; 19 cm.

Giới thiệu 777 điều thuộc: Những quy định chung; Tài sản và quyền sở hữu; Nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự; Thừa kế; Quy định về chuyển quyền sử dụng đất; Quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ; Quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài.

KHPL: 347

29/ Cẩm nang Giáo dục - dạy nghề 2008 quy chế mới về thi, tuyển sinh, đào tạo, quản lý thu chi, mua sắm và công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm định chất lượng trong nhà trường .- H.: Tp. Hồ Chí Minh, 2008 .- 650 tr; 27 cm.

Bao gồm những quy chế, điều lệ mới về thi, tuyển sinh, đào tạo trong nhà trường; Quy định về tiêu chuẩn và kiểm định chất lượng giáo dục; Quy định về thanh tra, kiểm tra; Quy định mới đối với giáo viên, cán bộ quản lý và viên chức trong nhà trường; Công tác quản lý thu chi, mua sắm trong nhà trường; ..

KHPL: 370

30/ Cẩm nang công tác tổ chức trong trường học, các quy định pháp luật cần biết về chất lượng giáo dục, tiêu chuẩn, quy chế đối với các trường trung học phổ thông, đại học, cao đẳng, trung cấp, nghề và dạy nghề/ Quý Long. Kim Thư.- H.: Lao động - Xã hội, 2008.- 702 tr; 27 cm.

Bao gồm các quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng trong trường học; Quy định về công tác đào tạo, tuyển sinh, thi tốt nghiệp; Quy định về công tác tổ chức trong trường học, quy định về tài chính; ..

KHPL: 370

400. NGÔN NGỮ

31/ Oxford learner's thesaurus a dictionary of synonyms/ Diana Lea; Jennifer Bradbery, Richard Poole, Helen Warren.- U.K: Oxford University Press, 2009.- 1008 tr; 24 cm.

Introduction 17000 synonyms and opposites; 100s of practice exercise; thesaurus trainer

KHPL: 413

32/ Từ điển thuật ngữ viễn thông: Anh - Việt = English – Vietnamese: glossary of telecommunication terms/ TS Phùng Văn Vận.- H.: Bưu Điện, 2005.- 1008 tr; 27 cm.

Gồm 14000 mục từ, cung cấp các định nghĩa đúng và dễ hiểu của các thuật ngữ về kỹ thuật, công nghệ được sử dụng thông dụng trong viễn thông.

KHPL: 413.384

33/ Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam/ Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh; Phan Đại Doãn,....- Tái bản lần thứ 2.- H.: Giáo dục 2006.- 647 tr; 24 cm.

Cung cấp những thông tin về tư tưởng, việc làm, sử liệu về các nhân vật trong nước từ trong thời chiến đến thời bình trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa của dân tộc.

KHPL: 413.092

34/ Âm vị học và tuyến tính: Suy nghĩ các định đề của âm vị học đương đại/ Cao Xuân Hạo.- Tái bản lần thứ 3 (Có sửa chữa và bổ sung).- H.: Khoa học, 2006.- 412 tr; 24 cm.

Trình bày dẫn luận ngôn ngữ học; Nguyên lý tuyến tính của năng biểu trong âm vị học; Phân đoạn tuyến tính và thủ pháp phân tích âm vị học; Những xu hướng và hoài bão chống âm đoạn luận; Vì một lý thuyết âm vị học đại cương đích thực.

KHPL: 414

35/ Interactions 1: Reading / Hartmann Pamela, Kirn Elaine .- American.: Mc Graw Hill, 2007.- 240 pages; 25 cm.

Presenting contents: Academic life around the world, experiencing nature, living to eat or eating to live, in the community, home, cultures of the world, health, entertainment and the media, social life, sports, ...

KHPL: 420

36/ Mosaic 1: Reading/ Wegmann Brenda, Knezevic Miki.- American.: Mc Graw Hill, 2007.- 255 pages; 25 cm.

Including 10 chapter: New challenges, teamwork and competition, gender and relationships, health and leisure, high tech - low tech, money matters, remarkable, ...

KHPL: 420

37/ Hooked on toefl: speaking/ Lê Huy Lâm.- Tp.HCM.: Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2007.- 409 pages; 27 cm.

Introducing 6 units: Personal preference, paired choice, fit and explain, general/specific, problem/ solution, ...

KHPL: 420

38/ Listen In Book 1 - Luyện Kỹ Năng Nghe, Nói Và Phát Âm Tiếng Anh (Kèm 4 CD)/ David Nunan. - Đồng Nai: Đồng Nai, 2009. - 205 p.; 25 cm

Gồm 20 đơn vị bài học theo chủ đề, với các phương pháp thực hành để phát triển kỹ năng nghe và các phương pháp giao tiếp hiệu quả

KHPL: 420

39/ Listen In Book 2 - Luyện Kỹ Năng Nghe, Nói Và Phát Âm Tiếng Anh(Kèm 4 CD)/ David Nunan. – TP. Hồ Chí Minh: Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2007. - 222 p; 25 cm

Gồm 20 đơn vị bài học theo chủ đề, với các phương pháp thực hành để phát triển kỹ năng nghe và các phương pháp giao tiếp hiệu quả

KHPL: 420

40/ Listen In Book 3 - Luyện Kỹ Năng Nghe, Nói Và Phát Âm Tiếng Anh(Kèm 4 CD)/ David Nunan. - TP. Hồ Chí Minh: Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2004. - 226 p.; 25 cm

Gồm 20 đơn vị bài học theo chủ đề, với các phương pháp thực hành để phát triển kỹ năng nghe và các phương pháp giao tiếp hiệu quả

KHPL: 420

41/ Toefl IBT : I listening/ Lê Huy Lâm.- Tp.HCM.: Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2008.- 329 pages; 28 cm.

Contents include 11 units: campus life, wrap-up, humanities, technology, business, social science, natural science, education,....

KHPL: 420

42/ Toefl IBT activator Speaking: Intermediate.- Tp.HCM.: Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2008.- 162 pages; 27 cm.

Provides essential and accurate strategies for all types of Toefl questions in the reading, listening, speaking and writing sections. It also offers step by step exercises to help test takers respond easily...

KHPL: 420

43/ Chuyên đề ngữ pháp tiếng Anh thực hành câu bị động và câu trần thuật/ Cái Ngọc Duy Anh, Nguyễn Thị Diệu Hương. - H.: Giáo dục, 2008. - 155 tr.; 21 cm

Giới thiệu những qui tắc ngữ pháp, ví dụ minh họa và bài tập áp dụng của câu bị động và câu trần thuật.

KHPL: 420.81

44/ Thực hành từ vựng tiếng Anh = English vocabulary in use: Elementary/ Michael McCarthy, Felicity O'Dell.- Đồng Nai: Đồng Nai, 2008.- 168 tr.; 25 cm.

Gồm 60 bài. Các mục từ được trình bày và giải thích theo ngữ cảnh, cách tìm quy tắc sử dụng các từ đó và các bài tập thực hành.

KHPL: 420.81

45/ Thực hành từ vựng tiếng Anh = English vocabulary in use: Pre-intermediate & Intermediate/ Stuart Redman.- Đồng Nai: Đồng Nai, 2008.- 263 tr.; 25 cm.

Gồm 100 bài: Các mục từ được trình bày và giải thích theo ngữ cảnh, cách tìm quy tắc sử dụng các từ đó. và các bài tập thực hành

KHPL: 420.81

46/ Thực hành từ vựng tiếng Anh = English vocabulary in use: Advanced/ Michael McCarthy, Felicity O'Dell.- Đồng Nai: Đồng Nai, 2008.- 314 tr.; 25 cm.

Gồm 100 bài. Các mục từ được trình bày và giải thích theo ngữ cảnh, cách tìm quy tắc sử dụng các từ đó. và các bài tập thực hành. Sử dụng các đoạn văn ngắn và các ví dụ điển hình. Có các hướng dẫn về cách học và các bài tập hỗ trợ giúp rèn luyện thói quen tự học.

KHPL: 420.81

47/ Tiếng anh du lịch = English for tourism: giáo trình/ Đào Thị Hương.- H.:NXB Hà Nội, 2006 .- 240 tr; 24 cm.

Introducing 11 units: working in tourism, getting information, hotel accommdation, transportation, money, review of units 1 - 5, problems, guiding, tour operation, promtional campain, revieww of units 7 – 10.

KHPL: 420.910

48/ Tiếng anh chuyên ngành khách sạn = English for hotel industry: Giáo trình: Dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp/ Đỗ Thị Kim Oanh .- H.: Hà Nội, 2007 .- 268 tr; 24 cm

Including units: 1. Enquiries and reservations; 2. Rêception; 3. Hotel services; 4. Food services; 5. Revision 1; 6. Local tours; 7. Complaints; 8. Checking out; 9. Tour operation contact; 10. Conferences; 11. Revision 2.

KHPL: 420.91046

49/Guides to English writing skills/ TS.Trần Hữu Kỳ. – TP. Hồ Chí Minh: Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2008. - 150 p.; 24 cm

Presenting ten parts: 1. Sentence struture; 2. Run-on sentences; 3. Necessary uses of capital letters; 4. Punctuation; 5. Modifier and modification; 6. Modifying phrases; Sentence variety; Paragraphing; Strategies for paragraph development; ...

KHPL: 425

50/ Hướng dẫn luyện viết tiếng Anh = Writing fundamentals/ Joseph T. Lyons; Nguyễn Văn Công.- Tp. Hồ Chí Minh: Thanh niên, 2008.- 479 p.; 21cm.

Nội dung cuốn sách trình bày: Từ loại và những chức năng, các loại câu và mệnh đề, sự hòa hợp trong câu, những điểm thường gây khó khăn khi viết, viết câu rõ ràng, lỗi chính tả, phép chấm câu, cách chọn từ đúng, viết dàn bài, thực hiện viết những đoạn văn có hiệu quả.

KHPL:425

51/ Ngữ pháp tiếng Anh = English grammar/ Vũ Thanh Phương, Bùi Ý, Bùi Phụng.- H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.- 595 tr.; 21 cm.

Giới thiệu chủ yếu cách phân loại, hình thái cấu tạo, chức năng và cách dùng các từ loại trong tiếng Anh, có kết hợp giải quyết một số vấn đề cú pháp; Khái quát hóa cách đặt câu tiếng Anh theo những cấu trúc, công thức, mẫu cơ bản; Phần III là

đáp án các bài tập khó, nhằm giúp các bạn tự học có thể tự kiểm tra, đánh giá, kết quả học tập của mình.

KHPL:425

52/ Những lỗi thông thường trong tiếng Anh = The most common mistakes in English usage/ Bery Thomas Elliott. - TP. Hồ Chí Minh: Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2006. - 205 p.; 20 cm

Phân tích các lỗi phổ biến nhất mà người học gặp phải trong khi nói và viết tiếng Anh; Và trình bày những phương pháp sửa chữa các lỗi thông thường đó.

KHPL: 425

53/. Những lỗi thông thường trong tiếng Anh = The most common mistakes in English usage/ Bery Thomas Elliott .- TP.Hồ Chí Minh: Thanh Niên, 2006.- 205 p; 20 cm.

Phân tích các lỗi phổ biến nhất mà người học gặp phải trong khi nói và viết tiếng Anh; Và trình bày những phương pháp sửa chữa các lỗi thông thường đó.

KHPL: 425

54/ Phép biến đổi câu và mệnh đề trong tiếng Anh = Clause and sentence tranformation/ Quốc Bảo.- TP. Hồ Chí Minh: Nxb.Trẻ, 2005.- 188 tr.; 21cm.

Kết cấu sách gồm 4 phần: Lý thuyết tóm tắt; Bài tập; Bài kiểm tra trắc nghiệm; Đáp án. Đồng thời, các bài tập được sắp xếp theo trình độ từ thấp đến cao, đều có đáp án đi kèm và các chú thích cho những trường hợp đặc biệt.

KHPL: 425

55/ Thực hành từ vựng tiếng Anh = English vocabulary in use: Elementary/ Michael McCarthy, Felicity O'Dell. - Đồng Nai: Đồng Nai, 2008. - 168 p.; 25 cm

Gồm 60 bài. Các mục từ được trình bày và giải thích theo ngữ cảnh, cách tìm quy tắc sử dụng các từ đó và các bài tập thực hành.

KHPL: 425

56/ Thực hành từ vựng tiếng Anh = English idioms in use/ Michael McCarthy, Felicity O'Dell. - Đồng Nai: Đồng Nai, 2008. - 190 p.; 25 cm

Gồm 60 bài. Các mục từ được trình bày và giải thích theo ngữ cảnh cụ thể, cách tìm quy tắc sử dụng các từ đó. và các bài tập thực hành. Dựa trên các thành ngữ thông dụng nhất trong tuyển tập từ vựng tiếng Anh trong văn nói và viết và trong Cambridge idioms Dictionary.

KHPL: 425

57/ Thực hành từ vựng tiếng Anh = English phrasal verbs in use: Intermediate/ Michael McCarthy, Felicity O'Dell. - Đồng Nai: Đồng Nai, 2006. - 206 p.; 25 cm

Gồm 70 bài trình bày và giải thích các cụm động từ. Trình bày và giải thích theo ngữ cảnh khoảng 1000 cụm động từ, sử dụng các bảng tóm tắt, sơ đồ, đoạn văn ngắn và các bài hội thoại.

KHPL: 425

58/ English for marketing & advertising/ Sylee Gore.- Đồng Nai: Nxb Đồng Nai, 2009.- 80 tr; 24 cm.

This book presents seven parts: Introduction to marketing and advertising; Finding the customer; Planning a marketing strategy; Creating ads; Marketing tools; Presenting your public face; Marketing through trade fairs.

KHPL: 428

59/ Tiếng Anh đàm thoại dành cho nhân viên khách sạn = Spoken English for hotel staff/ Lê Huy Lâm, Phạm Văn Thuận. - TP. Hồ Chí Minh : TP. Hồ Chí Minh, 2006. - 325 p.; 21 cm

Presenting three parts: Part 1: Phonetic revision and courtesy English; Part 2: Front office; Part 3: The housekeeping department.

KHPL: 428

60/ Building skills for the toefl iBT: Beginning/ Worcester Adam, Bowerma Lark, Williamson Eric.- Tp.HCM.: NXB Trẻ, 2009.- 725 p; 26 cm.

Building iBT TOEFL Skills is the first step in a graded test preparation course designed to hone the test-taking skills required of students who will take the iBT TOEFL administered by ETS. Providing tips and strategies for each of the four skill-based test sections: reading, listening, speaking, and writing.

KHPL: 428.007 6

61/ Campus Toeic/ Jin Lee Education.- Tp.HCM.: Nxb Tổng hợp TP.HCM, 2009.- 297 p; 26 cm.

Campus Toeic is designed to be used as a textbook for a Toeic preparation course in a college or other institutional setting. This book familiarizes students with common Toeic contexts and question types by providing key expressions, essential grammar points, and lots of exercises and practice tests...

KHPL: 428.007 6

62/ Economy TOEIC - RC 1000: 1000 Reading Comprehension Practice Test Items for the New TOEIC Test/ Lori.- Tp.HCM.: Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2009.- 279 p; 26 cm.

Presenting 1000 reading comprehension practice test items for the new toeic test.

KHPL: 428.007 6

63/ IVY`s Toefl IBT Reading/ Koh Myounghee, ParkYounghwal, Park Kyubyong,...Tp.Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2008.- 501 tr; 26cm.

Concentrate on talking the 10 actual test sets that are at the same level and accompanied by the same question types as those on the real IBT Toefl testnow concentrate. These real-level actual test are based on numerous in-depth analyses of

the real test. After these actual tests, users easily be able to keep up with the real IBT Toefl test.

KHPL: 428.0076

64/ How to master skills for the Toefl IBT actual test: Listening test book 2/

Michael A. Putlack, Stephen Poirier, Will Link.- Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2008.- 117 page; 24 cm.

Presents 5 actual tests. In each part introduction: Meteorology; Instructor's office hours; Botany; Sociology; Service encounter; History; Marine Biology; Physiology; Archeology; History; Geography; Zoology; Literature; Nutrition; ..

KHPL: 428.0076

65/ How to master skills for the Toefl IBT actual test: Reading test book 1 /

Michael A. Putlack, Stephen Poirier, Will Link.- Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2008.- 99 page; 24 cm.

This section measures your ability to understand academic passages in English. The reading section is divided into 2 separately time parts. Most questions are worth one point, but the last question in each set is worth more than one point. The directions indicate many point you may receive.

KHPL: 428.0076

66/ How to master skills for the Toefl IBT actual test: Reading test book 2/

Michael A. Putlack, Stephen Poirier, Will Link.- Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2008.- 99 page; 24 cm.

Presents 5 actual tests. In each part introduction: Geography; Anthropology; Chemistry; Literature; American history; Psychology; Word history; Architecture; Astronomy; Agriculture; Music; Zoology; Ecology; ...

KHPL: 428.0076

**67/ Lingua forum toefl iBT m - Speaking intermediate level/ Lê Huy Lâm.-
Tp.HCM.: Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2008.- 256 p; 26 cm.**

Cuốn sách này gồm có 3 phần. Lời mở đầu của mỗi phần sẽ giới thiệu những vấn đề cơ bản giúp bạn nắm được kiểu câu hỏi sẽ học trong phần đó, giúp nâng cao khả năng phát âm, lựa chọn từ vựng, Paraphrasing, Note-taking, tóm tắt, sử dụng Phrasal Verb, và nâng cao trình độ ngữ pháp cần thiết trong môn nói.

KHPL: 428.007 6

**68/ Lingua forum toefl iBT m - Reading intermediate level/ Lê Huy Lâm.-
Tp.HCM.: Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2008.- 264 p; 26 cm.**

Including eight chapters are divided into three major themes: Part A: Basic Comprehension, Part B: Reading To Learn, and Part C: Making Inferences. Each chapter focuses on a specialized form of questions usually appear in the TOEFL exam, and chapters in the curriculum are linked together a system through which students are exposed to the question types are presented by the theory...

KHPL: 428.007 6

**69/ Lingua forum toefl iBT m - Listening intermediate level/ Lê Huy Lâm.-
Tp.HCM.: Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2008.- 228 p; 26 cm.**

Part A: Basic Understanding Questions; Part B: Connecting Information Questions; Part C: Connecting Information Questions; Part D: Pragmatic Understanding Questions; Scrip & Answer Key

KHPL: 428.007 6

**70/ Lingua forum toefl iBT m - Writing intermediate level/ Lê Huy Lâm.-
Tp.HCM.: Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2008.- 280 p; 26 cm.**

A - Integrated writing task: Casting doubt, Challenging arguments, Solving problems, Supporting explanation; B - Independent writing task: Agree/Disagree, Preference, Giving an opinion, Compare/contrast.

KHPL: 428.007 6

71/ Lingual Forum Toefl iBT i- Reading: High intermediate course/ Lê Huy Lâm.- Tp.HCM.: Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2008.- 279 p; 26 cm.

Including ten chapters with topics: Question type; History, social sciences, Humanities, Archaeology & anthropology, Art & literature, natural sciences, Earth sciences, Physical sciences.

KHPL: 428.007 6

72/ Lingual Forum Toefl iBT i- Writting: High intermediate course/ Lê Huy Lâm.- Tp.HCM.: Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2008.- 324 p; 26 cm.

Presenting two parts: Part A: Building up basic such as education, business & career, lifestyle & health, how the mind works, socia issue & the environment; Part B: Toefl writing such as casting doubt, challenging arguments, solving problems, supporting explanation, agree/disagree,...

KHPL: 428.007 6

73/ Lingual Forum Toefl iBT i- Speaking: High intermediate course/ Lê Huy Lâm.- Tp.HCM.: Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2008.- 313 p; 26 cm.

Including two parts: Part A: It's preparation time! With topics such as choosing the right word; finding the right expression; speaking in complex sentences, Part B: It's response time: Personal preference, paired choice, fit and explain, ...

KHPL: 428.007 6

74/ New Toeic 4n4 (620 level)/ Neungyule Education.- Tp.HCM.: Nxb Tổng hợp TP.HCM, 2009.- 210 p; 26 cm.

Công cụ hữu hiệu giúp giải quyết 4 điểm yếu lớn chỉ trong 4 tuần cho những người bận rộn khi luyện thi TOEIC: Thứ 1 là không dám dành thời gian để học, thứ 2 là khó tìm thấy tài liệu phù hợp với khả năng thực tế của bản thân, thứ 3 là rất khó

tự học trong một thời gian dài, thứ 4 là vì đã lâu không tham dự các kỳ thi lấy chứng chỉ quốc tế nên không có cảm giác thi thực tế.

KHPL: 428.007 6

75/ New Toeic 4n4 (520 level)/ Neungyule Education.- Tp.HCM.: Nxb Tổng hợp TP.HCM, 2009.- 207 p; 26 cm.

Công cụ hữu hiệu giúp giải quyết 4 điểm yếu lớn chỉ trong 4 tuần cho những người bận rộn khi luyện thi TOEIC: Thứ 1 là không dám dành thời gian để học, thứ 2 là khó tìm thấy tài liệu phù hợp với khả năng thực tế của bản thân, thứ 3 là rất khó tự học trong một thời gian dài, thứ 4 là vì đã lâu không tham dự các kỳ thi lấy chứng chỉ quốc tế nên không có cảm giác thi thực tế.

KHPL: 428.007 6

76/ New Toeic 4n4 (860 level)/ Neungyule Education.- Nguyễn Thành Yên, dịch và chú giải.- Tp.HCM.: Nxb Tổng hợp TP.HCM, 2009.- 208 p; 26 cm.

Công cụ hữu hiệu giúp giải quyết 4 điểm yếu lớn chỉ trong 4 tuần cho những người bận rộn khi luyện thi TOEIC: Thứ 1 là không dám dành thời gian để học, thứ 2 là khó tìm thấy tài liệu phù hợp với khả năng thực tế của bản thân, thứ 3 là rất khó tự học trong một thời gian dài, thứ 4 là vì đã lâu không tham dự các kỳ thi lấy chứng chỉ quốc tế nên không có cảm giác thi thực tế.

KHPL: 428.007 6

77/ New TOEIC 4n4: 730 Level/ Neungyule Education .- Nguyễn Thành Yên, dịch và chú giải .- Tp.HCM.: Nxb Tổng hợp TP.HCM, 2009.- 207 p; 26 cm.

Công cụ hữu hiệu giúp giải quyết 4 điểm yếu lớn chỉ trong 4 tuần cho những người bận rộn khi luyện thi TOEIC: Thứ 1 là không dám dành thời gian để học, thứ 2 là khó tìm thấy tài liệu phù hợp với khả năng thực tế của bản thân, thứ 3 là rất khó tự học trong một thời gian dài, thứ 4 là vì đã lâu không tham dự các kỳ thi lấy chứng chỉ quốc tế nên không có cảm giác thi thực tế.

KHPL: 428.007 6

78/ Powerful tools to help you navigate Toefl iBT navigator: Speaking/ Ju Mijeong.- Tp.HCM.: Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2008.- 439 p; 26 cm.

Trình bày các dạng câu hỏi nói về toefl iBT, các tình huống nói theo chủ đề giúp cho các bạn nâng cao mức độ lưu loát.

KHPL: 428.007 6

79/ Rainbow TOEIC (part 1,2,3,4)/ Byeon Jinhyeop.- Tp.HCM.: Nxb Tổng hợp TP.HCM, 2009.- 412 p; 26 cm.

Trình bày 4 phần: Phần 1: Photographs; Phần 2: Question & response; Phần 3: Conversations; Phần 4: Talks; Mỗi phần có kèm theo các bài tập ứng dụng

KHPL: 428.007 6

80/ Rainbow toeic - Part 5&6/ Choi Jong Min.- Tp.HCM.: Nxb Tổng hợp TP.HCM, 2009.- 270 p; 26 cm.

Presenting eight chapters: 1. Main verbs; 2. Verbals; 3. Nouns, determiners, pronouns; 4. Modifiers; 5. Prepositions; 6. Conjunctions; 6. Adjective/ noun clause; 8. Vocabulary.

KHPL: 428.007 6

81/ Rainbow Toeic - Part 7/ Choi Jong Min.- Tp.HCM.: Nxb Tổng hợp TP.HCM, 2008.- 200 p; 26 tr.

Introduction: Chapter 01: Single Passage, Point_01 (Business Letter), Point_02 (E-mail), Point_03 (Memo), Point_04 (Notice), Point_05 (Advertisement), Point_06 (Article), Point_07 (Instructions), Practice Test 01, Practice Test 02, Practice Test 03, Chapter 02: Double Passage, Point_Double Passage, Practice Test 01, Practice Test 02, Practice Test 03, Actual Test 01, Actual Test 02, Answer key

KHPL: 428.007 6

82/ Start 1000:Listening Comprehension Practice Test Items for the new toeil test start/ Jim Lee.- Tp. HCM.: Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2008.- 412 p; 26 cm.

Presenting ten tests with 1000 listening comprehension Listening Test: In the Listening Test, you will be asked to demonstrate how well you understand spoken English. The entire Listening Test will last approximately 45 minutes. There are four parts, and the directions are given for each part. You must mark your answers on the separate answer sheet

KHPL: 428.007 6

83/ TNT Toeic Introductory course LC+ RC: Volume one.- Lory.- Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2009.- 180 page; 24 cm.

Presents for learners at high – beginner level whose target toeic score is in the range of the range of 350 – 400. The book consists of 20 listening units and 20 reading units, which focus on toeic listening testing points practice and basic grammar items to help learners at this level tackle the test with some confidence. The grammar items section in this book cover the most fundamental aspects of English grammar such as nouns, pronouns, adverbs, subject-verb agreement and basic verb patterns.

KHPL: 428.0076

84/ TNT Toeic Introductory course LC+ RC: Volume two / Lori.- Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2009.- 180 page; 26 cm.

Intended for pre-intermediate learners who want to aim for a higher toeic score range of 380 – 450. The book consists of 20 listening units and 20 reading units, providing the learners with toeic – style listening practice and key lessons on more difficult grammar aspects such as tenses, subordination, comparisons and ellipses.

KHPL: 428. 007 6

85/ TNT Toeic basic course LC+ RC/ Lori.- Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2009.- 201 page; 26 cm.

Provides a clear, systematic approach for intermediate learners who need to score 500 or higher on the toeic. The book consists of 20 listening units and 20 reading units. The listening units give learners a closer look at all the 4 parts of the toeic listening section, strengthening their listening skills with some tips, skill-building exercise and toeic-like practice.

KHPL: 428. 007 6

86/ Toefl iBT navigator: Listening/ Hwang Sugyeong.- Tp.HCM.: Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2008.- 345 p; 26 cm.

This book presents four chapters with different topics such as chapter 1: Question types; Chapter 2: conversations; Chapter 3: Lectures; Chapter 4: Actual tests and vocab navigator

KHPL: 428.007 6

87/ Toeic Icon L/C intensive/ Sang Hun Nam.- Tp.Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2009.- 330 tr; 26 cm.

Introduction to the test section; Gap-filling and dictation practice; Unit key point revisited with actual test items; Key expressions and patterns of the toeic test section; Review test; Actual test.

KHPL: 428.0076

88/ Toeic Icon L/C basic/ Darakwon Toeic Reseach.- Tp.Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2009.- 258 tr; 26 cm.

This book provides user with step-by-step guide through the four part of the new Toeic listening test. There are 35 units with these recurring section: Basic verb, basic answering partents, basic words and phrases; Give it a try; Listen and listen again; Check-up test.

KHPL: 428.0076

89/ Tomato Toeic compact Part 1 Và 2/ Huyejeong Lee, Juhui Park, John Boswell John...- Tp.HCM.: Nxb Tổng hợp TP.HCM, 2009.- 256 p; 26 cm.

Trình bày 10 lesson: Lesson 1: Từ vựng liên quan đến mua sắm, nhà hàng, Lesson 2: Từ vựng liên quan đến giao thông, công trường, Lesson 3: Từ vựng liên quan đến nơi làm việc, thời gian rảnh rỗi, Lesson 4: Cách diễn đạt thể bị động, Lesson 5: Cách trình bày, Lesson 6: Câu hỏi tìm thông tin – câu hỏi có sử dụng từ nghi vấn, Bẫy đáp án.

KHPL: 428.007 6

90/ Tomato Toeic Compact Part 3 Và 4/ Huyejeong Lee, Juhui Park, John Boswell John...- Tp.HCM.: Nxb Tổng hợp TP.HCM, 2009.- 228 p; 26 cm.

Phân lý thuyết: Lesson 1: Cách diễn đạt trong kinh doanh 1, Lesson 2: Cách diễn đạt trong kinh doanh 2, Lesson 3: Cách diễn đạt liên quan đến địa điểm cụ thể, Lesson 4: Sắp xếp lịch làm việc, thời gian rảnh rỗi và những vấn đề khác, ...

KHPL: 428.007 6

91/ Tomato TOEIC Compact Part 5&6/ Huyejeong Lee, Juhui Park, John Boswell John...- Tp.HCM.: Nxb Tổng hợp TP.HCM, 2009.- 246 p; 26 cm.

Trình bày 30 bài giảng với những điểm ngữ pháp cơ bản kèm theo các bài tập ứng dụng.

KHPL: 428.007 6

92/ Tomato Toeic Compact Part 7/ Huyejeong Lee, Juhui Park, John Boswell John...- Tp.HCM.: Nxb Tổng hợp TP.HCM, 2009.- 271 p; 26 cm.

Trình bày 21 bài học với các điểm ngữ pháp, các câu hỏi thông dụng và các bài tập thực tiễn kèm theo đáp án.

KHPL: 428.007 6

93/ Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật viễn thông: Giáo trình/ Tổng công ty Bưu chính viễn thông. - H.: Bưu Điện, 2005. – 78 tr.; 27 cm

Nội dung: Content: Networks, Transmission, Optical fibres, Radio communication.

KHPL: 428.621 382

94/ Giáo trình Hán ngữ: Tập 1 - quyển 2/ Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục.- H.: Khoa Học Xã Hội, 2005.- 272 tr; 21 cm.

Giải thích ngữ pháp; Luyện ngữ âm; Hướng dẫn viết chữ theo bộ thủ; Đáp án bài tập; ..

KHPL: 495.1

95/ Giáo trình Hán ngữ: Tập 3 - quyển 1/ Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục.- H.: Khoa Học Xã Hội, 2006 .- 463 tr; 21 cm.

Giải thích ngữ pháp; Luyện ngữ âm; Hướng dẫn tập viết chữ theo bộ thủ; Bảng từ kết hợp tập 1 và tập 2; Đáp án bài tập...

KHPL: 495.1

96/ Hướng dẫn luyện thi HSK/ Trương Văn Giới, Giáp văn Cường, Phạm Thanh Hằng.- H.: Khoa Học Xã Hội, 2006 .- 457 tr; 21 cm.

Giới thiệu bộ đề thi tiếng Trung

KHPL: 495.1

97/ Luyện nghe tiếng Hoa: Chứng chỉ A: Giáo trình/ Tô Cẩm Duy.- H.: Trẻ, 2004 .- 246 tr; 21 cm.

Gồm 20 bài, mỗi bài cung cấp từ mới, bài tập phán đoán câu sai, nghe và điền vào chỗ trống, nghe và đánh trắc nghiệm

KHPL: 495.1

98/ 301 câu đàm thoại tiếng Hoa: Tập 2/ Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục.- Tp.HCM .: Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2002.- 222 tr; 21 cm.

Giới thiệu cách tập viết chữ theo bộ thủ; Các dấu câu và ký hiệu dùng trong câu ; Bản dịch các bài đọc và đáp án bài tập,...

KHPL: 495.1

99/ 301 câu đàm thoại tiếng Hoa: Tập 1/ Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục.- H.: Khoa Học Xã Hội, 2007.- 403 tr; 21 cm

Giới thiệu về ngữ âm và chữ viết tiếng Hoa; Với 40 bài học, sau mỗi bài có phần bài tập và đáp án.

KHPL: 495.1

100/ Tân giáo trình Hán ngữ: Tập 3/ Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục.- H.: Khoa Học Xã Hội, 2001.- 278 tr; 21 cm.

Hướng dẫn tập viết chữ theo bộ thủ; bản dịch các bài đọc; phụ lục và đáp án bài tập; ...

KHPL: 495.1

101/ Tân giáo trình Hán ngữ: Tập 2/ Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục.- H.: Khoa Học Xã Hội, 2001.- 329 tr; 21 cm.

Hướng dẫn tập viết chữ theo bộ thủ; bản dịch các bài đọc; phụ lục và đáp án bài tập; Bảng từ kết hợp tập 1 và tập 2

KHPL: 495.1

102/ Tân giáo trình Hán ngữ: Tập 1/ Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục.- H.: Khoa Học Xã Hội, 2005.- 303 tr; 21 cm.

Giới thiệu về ngữ âm và chữ viết tiếng Hán; hướng dẫn tập viết chữ theo bộ thủ; Phụ lục và đáp án bài tập,...

KHPL: 495.1

103/ Giáo trình Hán ngữ: Tập 3 - quyển 2/ Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, Nguyễn Đình Kế.- H.: Khoa Học Xã Hội, 2007.- 479 tr; 21 cm.

Giải thích ngữ pháp; Luyện ngữ âm; Hướng dẫn tập viết chữ theo bộ thủ; ...

KHPL: 495.1

510. KHOA HỌC TỰ NHIÊN

104/ Kinh tế lượng: Chương trình nâng cao/ PGS.TS Nguyễn Quang Dong .- H.: Khoa học và Kỹ thuật, 2007 .- 170 tr; 24 cm.

Trình bày mô hình nhiều phương trình; Hồi quy với biến phụ thuộc là rời rạc mô hình LPM, LOGIT và PROBIT; Chuỗi thời gian làm tròn và ngoại suy chuỗi thời gian; Chuỗi thời gian không dừng; Mô hình trung bình trượt đồng liên kết tự hồi quy và mô hình tự hồi quy theo vector.

KHPL: 330.01

105/ Bài tập kinh tế lượng/ PGS.TS Nguyễn Quang Dong .- H.: Khoa học và Kỹ thuật, 2007 .- 162 tr; 24 cm.

Bao gồm các khái niệm và mô hình hồi quy hai biến; Giới thiệu evIEWS version 3.1; Mô hình hồi quy bội; Hồi quy với biến giả; Đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi, tự tương quan, lựa chọn mô hình, mô hình có thể phân phối,...

KHPL: 330.01

106/ Tài nguyên môi trường và phát triển bền vững/ Lê Bá Huy, Vũ Chí Hiếu, Võ Đình Long .- Tp. Hồ Chí Minh.: Khoa học và kỹ thuật, 2006 .- 522 tr; 24 cm.

Khái quát về tài nguyên và môi trường, phát triển bền vững, tài nguyên môi trường đất và sử dụng đất bền vững, tài nguyên môi trường nước và phát triển bền vững, tài nguyên môi trường không khí, không gian, năng lượng trong sinh thái môi trường, môi trường biển, rừng, tài nguyên sinh vật, đa dạng sinh học, tài nguyên khoáng sản; Chính sách kinh tế, bảo vệ môi trường....

KHPL: 363.7

107/ Kỹ thuật môi trường/ Hoàng Kim Cơ, Trần Hữu Uyên, Lương Đức Phẩm,...H.: Khoa học và Kỹ thuật, 2005.- 431 tr; 27 cm.

Bao gồm 3 phần: Kỹ thuật môi trường thể khí; Thể lỏng và thể rắn.

KHPL: 363.7

108/ Toán chuyên ngành: Giáo trình: Dành cho sinh viên ngành Điện tử - Viễn thông/ TS. Vũ Gia Tê, TS. Lê Bá Long.- H.: Bru điện, 2006.- 303 tr; 24 cm.

Trình bày hàm biến số phức; các phép biến đổi tích phân; các hàm số và các phương trình đặc biệt; phương trình đạo hàm riêng,...

KHPL: 512.9

109/ Lý thuyết xác suất và thống kê toán: Hướng dẫn ôn tập lý thuyết và giải bài tập/ PGS.TS Nguyễn Cao Văn, TS. Trần Thái Ninh.- H.: Tài chính, 2009.- 352 tr; 21 cm.

Giới thiệu biến cố ngẫu nhiên và xác suất, biến ngẫu nhiên, một số quy luật phân phối xác suất thông dụng, biến ngẫu nhiên hai chiều hàm các biến ngẫu nhiên, các định lý giới hạn, cơ sở lý thuyết mẫu, ước lượng tham số của quy luật phân phối xác suất, kiểm định giả thuyết thống kê, phân tích phương sai, ...

KHPL: 519.5

110/ Quy hoạch toán học: Các phương pháp tối ưu hóa, các mô hình thực tế, các chương trình mẫu Pascal/ Bùi Minh Trí.- h.: Khoa học và Kỹ thuật, 2006.- 570 tr, 24 cm.

Bài toán tối ưu hóa tổng quát và mô hình hóa toán học, quy hoạch tuyến tính, bài toán vận tải, quy hoạch tham số, quy hoạch động, một số phương pháp giải quy hoạch cỡ lớn, quy hoạch phi tuyến, quy hoạch rời rạc, quy hoạch đa mục tiêu, ..

KHPL: 519.6

111/ Vật lí đại chúng: Tập 1 / Landau L.D, Kitaigorodski A.L .- H.: Khoa học và Kỹ thuật, 2001 .- 803 tr; 24 cm.

Trình bày các khái niệm cơ bản; Các định luật chuyển động; Các định luật bảo toàn; Dao động; Chuyển động của các vật rắn; Sự hấp dẫn; Áp suất.

KHPL: 530

112/ Từ điển y học: Chăm sóc sức khỏe gia đình/ GS.TS Nguyễn Sào Trung.- H.: Y học, 2008.- 1013 tr; 28 cm.

Nội dung cuốn Từ điển y học chăm sóc sức khỏe gia đình bao gồm các thuật ngữ về y học được sắp xếp theo vần a, b, c. Cuốn sách là tài liệu hữu ích cần thiết cho mỗi người và gia đình trong việc chăm sóc sức khỏe...

KHPL: 610.3

621. ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG

113/ An toàn lao động: Giáo trình/ Nguyễn Đình Hợp.- H.: Bưu điện, 2007.- 58 tr; 27 cm.

Giới thiệu những vấn đề chung về bảo vệ hộ lao động; Vệ sinh lao động; Kỹ thuật an toàn lao động.

KHPL: 331.25

114/ Phương pháp số: Dành cho Sinh viên ngành Công nghệ thông tin: Giáo trình/ ThS. Phan Đăng Cầu, ThS. Phan Thị Hà. H.: Bưu Điện, 2006. – 330 tr.; 24 cm

Trình bày 7 chương: 1. Số xấp xỉ và sai số; 2. Các phương pháp số trong đạo số tuyến tính; 3. Phép nội suy và hồi quy; 4. Tính gần đúng nghiệm của phương trình phi tuyến; 5. Tính gần đúng đạo hàm và phân tích xác định; 6. iải gần đúng phương trình vi phân; 7. Phương pháp Monte - Carlo.

KHPL: 510.285

115/ Hệ thống thông tin quang: Tập 1/ TS. Vũ Văn San.- H.: Bưu điện, 2008.- 280 tr; 27 cm.

Giới thiệu một cách tổng quan và chi tiết về hệ thống thông tin quang; sợi và cáp quang; thiết bị phát quang; thiết bị thu quang; thiết kế hệ thống thông tin quang; hệ thống thông tin quang coherent.

KHPL: 621.369 2

116/ Hệ thống thông tin quang: Tập 2/ TS. Vũ Văn San.- H.: Bưu điện, 2008.- 317 tr; 27 cm.

Trình bày hệ thống thông tin quang nhiều kênh; khuếch đại quang sợi pha tạp ERBIUM; kỹ thuật bù tán sắc; mạng thông tin quang; hệ thống thông tin quang Soliton.

KHPL: 621.3692

117/ Các tiêu chuẩn ngành (Song ngữ: Việt - Anh): TCN 68 - 247, 248, 249: 2006/ Bộ Bưu chính, Viễn thông.- H.: Bưu điện, 2006.- 223 tr; 30 cm.

Cuốn sách gồm 3 tiêu chuẩn ngành: TCN 68 - 247: 2006 thiết bị trạm mặt đất Inmarsat- B; TCN 68 - 248: 2006 Thiết bị trạm mặt đất Inmarsat-C; TCN 68 - 249: 2006 Thiết bị thu phát vô tuyến VHF của các trạm ven biển thuộc hệ thống GMDSS.

KHPL: 621.380 0218

118/ Dao động kỹ thuật/ Nguyễn Văn Khang.- H.: Khoa học và kỹ thuật, 2005 .- 230 tr; 24 cm.

Mô tả động học các quá trình dao động, dao động tuyến tính của hệ một bậc tự do, nhiều bậc tự do, vô hạn bậc tự do.

KHPL: 621

119/ Các tiêu chuẩn ngành (song ngữ: Việt - Anh): TCN 68 - 239; 240; 241; 242: 2006/ Bộ Bưu chính, Viễn thông.- H.: Bưu điện, 2006.- 319 tr; 30 cm.

Cuốn sách gồm 4 tiêu chuẩn ngành: TCN 68 - 239: 2006 thiết bị điện thoại VHF dùng trên tàu cứu nạn; TCN 68 - 240: 2006 Thiết bị điện thoại VHF sử dụng trên sông; TCN 68 - 241: 2006 Thiết bị điện thoại VHF dùng cho nghiệp vụ lưu động hàng hải; TCN 68 - 242: 2006 thiết bị thu phát vô tuyến sử dụng kỹ thuật điều chế trải phổ trong băng tần.

KHPL: 621.380 0218

120/ Các tiêu chuẩn ngành (song ngữ Việt - Anh): TCN 68 - 243; 244; 245; 246; 161; 174: 2006/ Bộ Bưu chính, Viễn thông.- H.: Bưu điện, 2006.- 394 tr; 30 cm.

Cuốn sách gồm 6 tiêu chuẩn ngành: TCN 68 - 243: 2006 Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần từ 9 kHz - 25 MHz; TCN 68 - 244: 2006: Thiết bị vô tuyến nghiệp dư; TCN 68 - 245: 2006 thiết bị đầu cuối thông tin di động IMT - 2000 CDMA trải phổ trực tiếp (W-CDMA FDD); TCN 68- 246: 2006 thiết bị phát hình quảng bá sử dụng công nghệ tương tự; TCN 68-161: 2006 phòng chống ảnh hưởng của đường dây điện lực đến cáp thông tin và trạm thu phát vô tuyến; ...

KHPL: 621.380 0218

121/ Các tiêu chuẩn ngành (Song ngữ: Việt - Anh): TCN 68 - 247, 248, 249: 2006/ Bộ Bưu chính, Viễn thông.- H.: Bưu điện, 2006.- 369 tr; 30 cm.

Cuốn sách gồm 5 tiêu chuẩn ngành: TCN 68- 238: 2006 thiết bị vi ba số SDH điểm- điểm dải tần tới 15 GHz; TCN 68-235: 2006 thiết bị vô tuyến điểm- đa điểm dải tần dưới 1 GHz sử dụng truy nhập TDMA; TCN 68-236: 2006 thiết bị vô tuyến điểm- đa điểm dải tần dưới 1 GHz sử dụng truy nhập FDMA; TCN 68- 237 thiết bị vô tuyến điểm- đa điểm dải tần dưới 1 GHz sử dụng truy nhập DS-CDMA; TCN 68- 238 thiết bị vô tuyến điểm- đa điểm dải tần dưới 1 GHz sử dụng truy nhập FH-CDMA.

KHPL: 621.380 0218

122/ Các tiêu chuẩn ngành (Song ngữ: Việt - Anh): TCN 68 - 250; 251; 252: 2006/ Bộ Bưu chính, Viễn thông.- H.: Bưu điện, 2006.- 241 tr; 30 cm.

Cuốn sách gồm 3 tiêu chuẩn ngành: TCN 68-250: 2006 thiết bị điện thoại VHF hai chiều lắp đặt cố định trên tàu cứu nạn; TCN 68-251: 2006 thiết bị vô tuyến điều chế đơn biên và song biên băng tần dân dụng 27 MHz; TCN 68-252: 2006 thiết bị vô tuyến điều chế góc băng tần dân dụng 27 MHz

KHPL: 621.380 0218

123/ Viba số: Tập 1/ TS. Bùi Tiến Minh, Chủ biên, TS. Trần Hồng Quân, KS. Trần Hoàng Lương... – H.: Bưu Điện, 2008. - 402 tr.; 27 cm

Giới thiệu các hệ thống số; Bộ mã hóa/ bộ giải mã nguồn sử dụng điều xung mã (PCM) và các kỹ thuật liên quan đến PCM; Ghép kênh số; Rung pha và trôi pha trong các mạng số; Xử lý tín hiệu băng gốc; Điều chế số và giải điều chế số.

KHPL: 621.381

124/ Viba số: Tập 2/ TS. Bùi Tiến Minh, Chủ biên, TS. Trần Hồng Quân, KS. Trần Hoàng Lương... – H.: Bưu Điện, 2008. - 318 tr.; 27 cm

Trình bày các hệ thống Viba số và các chỉ tiêu chất lượng; Truyền sóng và các kênh pha định; Kỹ thuật vô tuyến tầm nhìn thẳng; Nhiễu và phân bố tần số; Thiết bị Viba số và đo thử hệ thống.

KHPL: 621.381

125/ Công nghệ truyền dẫn cáp sợi quang: Lý thuyết và thực hành/ Nhà xuất bản Bưu Điện. -H.: Bưu Điện, 2007. – 327 tr. ; 21 cm

Cuốn sách trình bày từ cơ bản đến chuyên sâu các vấn đề về cơ sở truyền dẫn sợi quang (các thiết bị truyền dẫn, các kiểu điều chế,...); các thành phần của một tuyến truyền dẫn quang (các loại sợi quang, các bộ đầu nối sợi quang,...); những ứng dụng của kỹ thuật sợi quang trong các hệ thống truyền dẫn thông tin; ứng dụng cụ thể về việc treo cáp sợi quang.

KHPL: 621.382

126/ Đo kiểm đánh giá chất lượng mạng ngoại vi/ TS Bùi Thanh Giang, KS Nguyễn Bá Hưng.- H.: Bru điện, 2007.- 136 tr; 21 cm.

Cuốn sách cung cấp cơ sở lý thuyết và hướng dẫn thực hành đo kiểm đánh giá chất lượng mạng ngoại vi gồm các nội dung: nguyên tắc tổ chức, cấu trúc mạng ngoại vi; yêu cầu chung và các tham số chất lượng mạng cáp đồng, cáp quang; phương pháp đo và các bài đo kiểm chất lượng mạng cáp đồng, cáp quang; phương pháp đo kiểm đường dây thuê báo số xDSL; ..

KHPL: 621.382

127/ Hệ thống truyền dẫn đồng bộ - SDH/ Bùi Trung Hiếu, biên dịch, Trịnh Thông, hiệu đính. – H.: Bru Điện, 2001. – 148 tr.; 21cm

Giới thiệu về phân cấp số đồng bộ - SDH; Tổng quan về công nghệ truyền dẫn số; Các phần tử của hệ thống truyền dẫn đồng bộ; Triển khai mạng đồng bộ; Quản lý mạng; Truyền dẫn đồng bộ; Khái quát về tiêu chuẩn đồng bộ...

KHPL: 621.382

128/ Hệ thống thông tin vệ tinh: Tập 1/ PGS.TS Phạm Hồng Nhị.- H.: Bru điện, 2008.- 216 tr; 27 cm.

Giới thiệu hệ thống thông tin vệ tinh, quỹ đạo của vệ tinh và các thông số của quỹ đạo, đặc điểm kênh truyền và phân tích tuyến, truyền tín hiệu trên kênh thông tin vệ tinh, đa truy nhập trong các hệ thống thông tin vệ tinh.

KHPL: 621.382

129/ Hệ thống thông tin vệ tinh: Tập 2/ PGS.TS Phạm Hồng Nhị.- H.: Bru điện, 2008.- 205tr; 27 cm.

Giới thiệu về trạm mặt đất, các thiết bị viễn thông đặt trên vệ tinh, vùng phủ sóng và anten vệ tinh, mạng vệ tinh đa búp sóng, các thông số và biểu thức tính toán trong các hệ thống thông tin vệ tinh, kết nối mạng thông tin di động vệ tinh với các mạng trái đất.

KHPL: 621.382

130/ Hệ thống truyền dẫn đồng bộ - SDH/ Bùi Trung Hiếu, biên dịch, Trịnh Thông, hiệu đính. – H.: Bưu Điện, 2001. – 148 tr.; 21cm

Giới thiệu về phân cấp số đồng bộ - SDH; Tổng quan về công nghệ truyền dẫn số; Các phần tử của hệ thống truyền dẫn đồng bộ; Triển khai mạng đồng bộ; Quản lý mạng; Truyền dẫn đồng bộ; Khái quát về tiêu chuẩn đồng bộ...

KHPL: 621.382

131/ Kỹ thuật thông tin số: Cơ sở và nâng cao: Tập 1/ ThS Trương Như Tuyên.- H.: Bưu Điện, 2004.- 473 tr; 27 cm.

Giới thiệu tổng quan về thông tin số; Phần 1. Lý thuyết về các tín hiệu và hệ thống; Phần 2. Các nguyên tắc cơ bản về thông tin số.

KHPL: 621.382

132/ Kỹ thuật thông tin số: Cơ sở và nâng cao: Tập 2/ ThS Trương Như Tuyên.- ThS Trương Như Tuyên.- H.: Bưu Điện, 2004.- 193 tr; 27 cm.

Trình bày việc ứng dụng của các kênh thông tin vào trong các hệ thống thông tin cố định và di động phục vụ cho việc truyền tiếng nói và hình ảnh như hệ thống truyền thông viba cố định, vô tuyến di động và mạng tế bào; truyền và lưu trữ hình ảnh, ...

KHPL: 621.382

133/ Lý thuyết thông tin: Giáo trình/ GS.TS Nguyễn Bình.- H.: Bưu điện, 2007.- 305 tr; 24 cm.

Giáo trình gồm 6 chương, đề cập đến những vấn đề về: các khái niệm cơ bản; tín hiệu và nhiễu; lý thuyết thông tin thống kê; lý thuyết mã hoá; lý thuyết tối ưu; mật mã. Sau mỗi chương đều có các câu hỏi và bài tập nhằm giúp cho sinh viên

củng cố các kỹ năng tính toán cơ bản và hiểu sâu sắc hơn các khái niệm và thuật toán quan trọng.

KHPL: 621.382

134/ Mạng thông tin quang thể hệ sau/ Hoàng Văn Võ.- H.: Bưu điện, 2008.- 472 tr; 27 cm.

Trình bày tổng quang về kiến trúc mạng truyền tải; tình hình tiêu chuẩn hóa mạng quang; Các công nghệ cơ bản của mạng thông tin quang thể hệ sau; Các phương pháp điều khiển trong mạng thông tin quang thể hệ sau; ...

KHPL: 621.382

135/ Mô phỏng hệ thống viễn thông và ứng dụng Matlab/ Nguyễn Viết Đảm. – H.: Bưu Điện, 2007. – 476 tr.; 27 cm

Cuốn sách gồm 18 chương: 1.Vai trò của mô phỏng: Các mô hình, vai trò, sử dụng Matlab; 2. Phương pháp luận mô phỏng: Các mặt, ước tính hiệu năng; 3. Lấy mẫu và lượng tử; 4. Mô hình mô phỏng thông thấp cho tín hiệu và hệ thống thông dải; 5. Mô hình bộ lọc và kỹ thuật mô phỏng...

KHPL: 621.382

136/ Thi công cáp và hầm hố cáp viễn thông/ TS. Bùi Thanh Giang; TS. Nguyễn Văn Dũng, Th.S Đinh Hải Đăng, KS. Phạm Duy Phong.- H.: Bưu điện, 2008.- 319 tr; 27 cm.

Trình bày 3 phần: Thi công cáp treo; Thi công cáp ngầm; Thi công hầm hố cáp bằng phương pháp trực tiếp đục sẵn và lắp ghép. Qua đó, giới thiệu thi công cáp treo trên cột viễn thông; Treo cáp viễn thông trên cột điện lực và cột đường dây thông tin tín hiệu đường sắt; Trang bị bảo vệ và biển báo; ...

KHPL: 621.382

137/ Nguồn điện thông tin: Giáo trình/ Lê Quang Vị.- H.: Bưu điện, 2003.- 327 tr; 27 cm.

Gồm 2 phần: Phần Lý thuyết cung cấp những kiến thức cơ bản về nguồn điện của các thiết bị điện, điện tử và viễn thông như nguồn điện một chiều; biến áp, chỉnh lưu và lọc nguồn; các mạch ổn định nguồn điện; máy điện; động cơ đốt trong. Phần thực hành cung cấp những kiến thức, kỹ năng và phương pháp bảo ...

KHPL: 621.382 32

138/ An ninh trong thông tin di động/ TS. Nguyễn Phạm Anh Dũng. – H.: Bưu Điện, 2006. – 281 tr.; 21cm

Nội dung: Tổng quan an ninh thông tin di động; Công nghệ thông tin trong GSM và GPRS; Công nghệ an ninh trong 3G UMTS; Công nghệ an ninh trong MIP; Công nghệ an ninh trong cdma2000; An ninh trong chuyển mạng 2G sang 3G, hiện trạng an ninh 2G tại Việt Nam và thế giới; An ninh trong các mạng lan vô tuyến...

KHPL: 621.384

139/ Ẩng ten thông minh giải pháp cho thông tin di động trong tương lai/ ThS. Nguyễn Mạnh Hải. – H.: Bưu Điện, 2005. – 124 tr.; 21 cm

Tổng quan về công nghệ Ẩng ten thông minh trong hệ thống thông tin di động; Cải thiện chỉ tiêu của hệ thống thông tin di động bằng Ẩng ten thông minh và khả năng triển khai trong thực tế; Hiện trạng và xu hướng phát triển Công nghệ Ẩng ten thông minh trong thông tin di động.

KHPL: 621.384

140/ Mạng thế hệ sau và tiến trình chuyển đổi/ ThS. Ngô Mỹ Hạnh. – Bưu Điện, 2006. – 174 tr.; 21 cm

Tổng quan về mạng thế hệ sau; Cấu trúc mạng thế hệ sau; Giới thiệu về mạng viễn thông của một số nước trong khu vực; Mạng đường trục của Việt Nam và tiến trình chuyển đổi sang mạng thế hệ sau; Các dịch vụ trong mạng thế hệ sau.

KHPL: 621.384

141/ Mạng vô tuyến tùy biến/ TS. Nguyễn Hoàng Cầm, Chủ biên, KS. Trịnh Quang. – H.: Bưu Điện, 2005. – 244 tr.; 21 cm

Mạng thông tin không dây: Tổng quan và một số vấn đề liên quan; Tổng quan về mạng vô tuyến tùy biến; giao thức truy nhập mạng vô tuyến tùy biến; Tổng quan về các giao thức định tuyến tùy biến, Định tuyến theo mức độ hoạt động của nguồn nuôi và yếu tố liên kết; Định tuyến đa phương trong mạng vô tuyến; ...

KHPL: 621.384

142/ Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia/ Bộ Bưu chính Viễn thông.- H.: Bưu điện, 2006.- 174 tr; 27 cm.

Gồm 4 phần: Phần 1: Mục tiêu của Quy hoạch; Phần 2: Nguyên tắc Quy hoạch; Phần 3: Nội dung của Quy hoạch; Phần 4: Tổ chức thực hiện Quy hoạch

KHPL: 621.384

143/ Truyền hình số mặt đất/ TS Ngô Thái Trị .- H.: Bưu Điện, 2005 .- 332 tr; 21 cm.

Trình bày những nội dung rất thiết thực về số hoá và xử lý tín hiệu hình ảnh và âm thanh, phương thức truyền hình số mặt đất, đo và phân tích dòng truyền tải MPEG-2, phương pháp kiểm tra chất lượng hệ thống truyền hình số mặt đất, ...

KHPL: 621.384

144/ WiMAX di động phân tích, so sánh với các công nghệ 3G/ TS. Lê Thanh Dũng, ThS. Lâm Văn Đà. – H.: Bưu Điện, 2007. – 144 tr.; 21 cm

Gồm 2 phần: 1. Tổng quan kỹ thuật và đánh giá hiệu năng của WiMAX di động; 2. WiMAX di động một công cụ hữu hiệu để rút ngắn khoảng cách số.

KHPL: 621.384

145/ Các tổng đài dịch vụ trên mạng viễn thông thế hệ sau/ Lê Ngọc Giao (Chủ biên), Trần Hạo Bửu, Phan Hà Trung. – H.: Bưu Điện, 2007. – 339 tr.; 21cm

Sách trình bày nguyên tắc tổ chức và cung cấp dịch vụ của các tổng đài đa dịch vụ, các giao thức báo hiệu sử dụng cho tổng đài đa dịch vụ và các giải pháp công nghệ của các hãng viễn thông nổi tiếng trong đó có giải pháp SURPASS của SIEMENS đang được Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam triển khai trên mạng viễn thông quốc gia.

KHPL: 621.385

KHOA MÔI TRƯỜNG

146/ Tính toán thiết kế các công trình trong hệ thống cấp nước sạch/ Trịnh Xuân Lai.- H.: Khoa học và kỹ thuật, 1999 .- 260 tr, 27 cm.

Trình bày các chỉ tiêu chất lượng nước, tiêu chuẩn dùng nước; Công trình thu và trạm bơm nước thô; Máy bơm và trạm bơm; Tính toán đơn giản các thiết bị chống va trong hệ thống cấp nước; Đường ống dẫn và mạng phân phối nước; Cách lọc...

KHPL: 628.1

147/ Xử lý nước cấp/ TS Nguyễn Ngọc Dung.- H.: Xây Dựng, 2005 .- 231 tr; 27 cm.

Cung cấp các kiến thức cơ bản về xử lý nước cấp, các phương pháp thiết kế và tính toán các công trình trong trạm xử lý nước, đồng thời giới thiệu một số kiến thức về quản lý các công trình đơn vị trong trạm xử lý nước.

KHPL: 628.1

657. KẾ TOÁN

148/ Principle Of Accounting In English (Theory And Problem Set)/ Phan Đức Dũng.- H.: Thống kê, 2009.- 365 tr; 24 cm.

Introduction to Accounting, Accounting statements in the company, Accounts and double entry accounting, Calculating accounting items, Accounting for production cost and calculating unit product cost, Accounting for selling and income summary, Accounting document and asset valuation, Journals and ledgers.

KHPL: 657.042

149/ Bài tập nguyên lý kế toán/ Th.S Trần Thượng Bích La, TS. Lê Đức Toàn.- Đà Nẵng.: NXB Đà Nẵng, 2009.- 206 tr; 24 cm.

Nội dung sách gồm các bài tập, bài giải mẫu và các câu hỏi trắc nghiệm như khái quát chung về hạch toán kế toán, phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản và ghi chép,

KHPL: 657.042

150/ Nguyên lý Kế toán: Bài tập/ TS. Phan Đức Dũng. – H.: Thống kê, 2009. 273 tr.; 24 cm

Nguyên lý Kế toán giới thiệu phần câu hỏi, bài tập của mỗi chương và bài tập tổng hợp và 8 chương cụ thể: Tổng quan về Kế toán; Báo cáo Kế toán của doanh nghiệp; Tài khoản và sổ ghi chép; Tính giá các đối tượng kế toán; Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh; Chứng từ kế toán và kiểm kê; Sổ toán và hình thức sổ kế toán.

KHPL: 657.042

151/ Quy trình chuẩn mực kiểm toán Việt Nam/ Bộ Tài Chính.- H.: Thống Kê, 2008.- 679 tr; 28 cm.

Trình bày các hệ thống mục lục ngân sách nhà nước (sửa đổi bổ sung 05/2008); Quy trình, nghiệp vụ hoạt động kiểm toán; Quy định danh mục hồ sơ kiểm toán, chế độ nộp lưu – bảo quản- khai thác và tiêu hủy hồ sơ kiểm toán; Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (37 chuẩn mực).

KHPL: 657.1

152/ Bài tập - bài giải kế toán tài chính/ PGS.TS Phạm Văn Dược, Đặng Kim Cương.- Tp.HCM.: Thống kê, 2008.- 447 tr; 24 cm.

Trình bày Những vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, Kế toán vốn bằng tiền, Kế toán các khoản phải thu và các khoản ứng trước, Kế toán các loại hàng tồn kho trong doanh nghiệp, Kế toán tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định, Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, Kế toán nợ phải trả,

KHPL: 657.42

153/ Bài tập - bài giải thực hành kế toán tài chính/ PGS.TS Võ Văn Nhị, TS. Nguyễn Phúc Sinh, ThS. Hoàng Cẩm Trang, ...- Tp.HCM.: Tài chính, 2009.- 309 tr; 24 cm.

Trình bày hệ thống gồm 125 bài tập được sắp xếp theo thứ tự các chương, 220 câu hỏi trắc nghiệm về lý thuyết và thực hành , một số bài giải có tính chất hướng dẫn, ... như Kế toán tiền, các khoản nợ phải thu và các khoản ứng trước trong doanh nghiệp; Kế toán nguyên vật liệu; Kế toán tài sản cố định; ...

KHPL: 657.42

154/ Kiểm soát chất lượng từ bên ngoài đối với hoạt động kiểm toán độc/ TS. Trần Thị Giang Tân.- Tp.HCM.: Tài chính, 2009.- 293 tr; 21 cm.

Tổng quan về kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán độc lập, Kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán độc lập từ bên ngoài tại Hoa Kỳ, Kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán độc lập từ bên ngoài tại Pháp, Kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán độc lập từ bên ngoài tại Việt Nam, ...

KHPL: 657.45

155/ Thực hành kiểm toán một số bộ phận cơ bản của báo cáo tài chính./ TS. Lưu Đức Tuyên, Th.S Đậu Ngọc Châu.- H.: Tài chính, 2009.- 330 tr; 24 cm.

Khái quát về kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán chu kỳ bán hàng và thu tiền, kiểm toán chu kỳ mua hàng và thanh toán, kiểm toán chu kỳ hàng tồn kho - chi phí và giá thành, kiểm toán các thông tin tài chính khác trên báo cáo tài chính, tổng hợp lập báo cáo kiểm toán và thư quản lý.

KHPL: 657.45

156/ Bài tập kiểm toán tài chính/ Phan Thanh Hải, TS. Lê Đức Toàn.- Đà Nẵng.: NXB Đà Nẵng, 2009.- 191 tr; 24 cm.

Trình bày các dạng bài tập về kiểm toán tài chính gồm 3 phần: Phần 1. Bài tập các chương; Phần 2. Bài giải các chương; Phần 3. Các thông tin, tài liệu cần thiết về kiểm toán.

KHPL: 657.45

157/ Kế toán tài chính doanh nghiệp - hướng dẫn lý thuyết và thực hành theo chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam 2009/ PGS.TS Võ Văn Nhị, TS. Nguyễn Phúc Sinh, ThS Nguyễn Anh Hiền,- Tp.HCM.: Tài chính, 2009.- 481 tr; 24 cm.

Gồm 17 chương, với các nội dung kế toán ở các loại hình doanh nghiệp khác nhau; kết hợp chặt chẽ giữa các vấn đề lý luận về tổ chức kế toán với việc hướng dẫn các phương pháp thu thập, xử lý tổng hợp như kế toán tiền mặt, kế toán các khoản phải thu, ... và một số văn bản pháp lý liên quan đến chế độ kế toán, cần thiết cho những người đang học cũng như đang làm kế toán...

KHPL: 657.48

158/ Phân tích báo cáo tài chính: Giáo trình / Nguyễn Ngăn Phúc.- H.: ĐH Kinh tế Quốc dân, 2008.- 394 tr; 24 cm.

Những vấn đề lý luận cơ bản của phân tích báo cáo tài chính, đọc và kiểm tra báo cáo tài chính cơ sở dữ liệu để phân tích, đánh giá khái quát tình hình tài chính, phân tích cấu trúc tài chính và tình hình báo đảm vốn cho hoạt động kinh doanh; phân tích hiệu quả kinh doanh, ..

KHPL: 657.48

159/ Kế toán kinh doanh du lịch – khách sạn: giáo trình/ Phan Thị Thanh Hà .- H.: NXB Hà Nội, 2006 .- 255 tr; 24 cm.

Những vấn đề lí luận cơ bản về hạch toán kế toán; kế toán nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Kế toán tài sản cố định; Kế toán chi phí kinh doanh và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp kinh doanh du lịch – khách sạn; ...

KHPL: 657.910

658. QUẢN TRỊ

160/ Nghiệp vụ ngân hàng quốc tế/ GS.TS Lê Văn Tư.- Tp.HCM.: Thanh niên, 2009.- 608 tr; 24 cm.

Quyển sách này giới thiệu các cơ chế cơ bản của nghiệp vụ ngân hàng quốc tế, cũng như các kỹ thuật trực tiếp rút ra từ các cơ chế này như hoạt động tài trợ ngoại thương và nghiệp vụ ngân hàng quốc tế của ngân hàng thương mại trong nền kinh tế; Nghiệp vụ tín dụng tài trợ xuất nhập khẩu; Nghiệp vụ thanh toán quốc tế; .

KHPL: 332.042

161/ Tài chính doanh nghiệp: Giáo trình/ PGS.TS Phan Thị Cúc.- H.: Tài chính, 2009.- 340 tr; 24 cm.

Tổng quan về Tài chính doanh nghiệp, Giá trị tiền tệ theo thời gian, Quan hệ lợi nhuận rủi ro, Mô hình định giá tài sản vốn, Định giá chứng khoán, Chi phí sử dụng vốn trong doanh nghiệp, Đầu tư tài sản dài hạn.

KHPL: 332.1

162/ Quản trị ngân hàng thương mại/ PGS.TS Phan Thị Cúc.- H.: Giao thông Vận tải, 2009.- 380 tr; 24 cm.

Trình bày Tổng quan về Quản trị ngân hàng thương mại trong nền kinh tế hội nhập; Quản trị vốn chủ sở hữu, quản trị tài sản Nợ, tài sản Có của ngân hàng thương mại; Quản trị thu nhập, chi phí, lợi nhuận và quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng; Quản trị các nguồn lực khác của Ngân hàng thương mại ở Việt Nam.

KHPL: 332.4

163/ Thị trường hối đoái/ / Lê Văn Tư.- Tp.HCM.: Nxb Thanh Niên,2009.- 368 tr; 24 cm.

Quyển sách đề cập đến các vấn đề liên quan đến thị trường hối đoái, từ các vấn đề cơ bản và đơn giản nhất đến các vấn đề phức tạp liên quan đến các nghiệp vụ hối đoái, kinh doanh tiền tệ và phòng ngừa rủi ro trong kinh doanh tiền tệ.

KHPL: 332.45

164/ Toán tài chính và ứng dụng: Lý thuyết và bài tập có lời giải/ Nguyễn Văn Nông, Nguyễn Thanh Sơn.- H.: Lao Động - Xã Hội, 2006 .- 168 tr; 21 cm

Trình bày lãi suất; Các khoản thanh toán hằng năm và phương trình của trị giá; Giá trị các khoản thanh toán hằng năm thay đổi theo định kỳ; Tỷ lệ lãi suất qui đổi; Quỹ đầu tư và các khoản vay.

KHPL: 332.510

165/ Chứng khoán đầu tư sinh lợi/ Võ Thanh Long, Nguyễn Quang Khải.- Tp.Hồ Chí Minh.: Thanh niên, 2007.- 126 tr; 21 cm.

Trình bày các khu vực thị trường, các nguyên tắc đầu tư, đầu tư vào các loại cổ phiếu thường khác.

KHPL: 332.6

166/ Kinh doanh bất động sản & hướng tới sự phát triển bền vững/ Đặng Đức Thành. TP. Hồ Chí Minh: Nxb Trẻ, 2008. – 107 tr.; 23 cm

Trình bày 14 chương: Nâng cao tính chuyên nghiệp Kinh doanh bất động sản; Thị trường bất động sản Việt Nam cần ổn định và phát triển bền vững; "Người môi giới bất động sản" anh là ai? Nhận diện rủi ro tiềm ẩn trong đầu tư kinh doanh bất

động sản; Thị trường bất động sản Việt Nam khó khăn giải bài toán vốn; Chương trình nhà ở xã hội doanh nghiệp cần được hỗ trợ...

KHPL: 333.33

167/ Tài chính công và phân tích chính sách thuế/ PGS.TS Sử Đình Thành, TS. Bùi Thị Mai Hoài.- Tp.HCM.: Lao động - Xã hội, 2009.- 492 tr; 27 cm.

Những nguyên lý phân tích tài chính công, ngoại tác, hàng hóa công, đánh giá chi tiêu công phân tích lợi ích và chi phí, lựa chọn công, phân cấp tài khóa, giáo dục, phân phối thu nhập và các chương trình phúc lợi,...

KHPL: 336

168/ Thanh tra tài chính: Giáo trình/ PGS.TS Phạm Ngọc Ánh.- H.: Tài chính, 2009.- 279 tr; 21 cm.

Trình bày tổng quan về thanh tra, những vấn đề cơ bản về thanh tra tài chính, thanh tra thu ngân Nhà nước, thanh tra chi ngân sách Nhà nước, thanh tra tài chính doanh nghiệp,...

KHPL: 336

169/ Bài tập kinh tế học vĩ mô/ Damian Ward, David Begg.- H.: Thống kê, 2008.- 159 tr; 24 cm.

Trình bày kinh tế học và nền kinh tế, các công cụ phân tích kinh tế, cầu-cung- thị trường, sản lượng và tổng cầu, chính sách tài khóa và ngoại thương, tiền tệ và hoạt động ngân hàng, ...Bài tập tình huống, Câu hỏi tư duy, Các ví dụ minh họa, câu hỏi tình huống được trích dẫn từ những tình huống kinh tế xảy ra trong thực tiễn.

KHPL: 339

170/ Guanxi nghệ thuật tạo dựng quan hệ kinh doanh/ Robert Buder, Gregory T. Huang; Bạch Trà dịch. – H. : Lao động – Xã hội, 2009. – 397 tr.; 21cm

Cuốn sách thể hiện sự quyết tâm của Microsoft, từ việc điều chỉnh phương thức làm việc và giao tiếp “nhập gia tùy tục” cho đến việc đầu tư vào Trung tâm Nghiên cứu Microsoft Châu Á (Microsoft Research Asia) như một món quà ra mắt chủ nhà Trung Quốc. Việc vận dụng tốt “Guanxi” trong một môi trường văn hoá coi người lạ đồng nghĩa với sự dè chừng cũng chứng tỏ năng lực và tầm nhìn của các nhà lãnh đạo Microsoft cũng như làm thay đổi cách nhìn của các nhà kinh doanh đối với những gì Trung Quốc có thể đem lại cho họ.

KHPL: 338.887

171/ 81 Mẫu văn bản hợp đồng trong quản lý giao dịch kinh doanh/ LG Phạm Văn Phần.- H.: Tài chính, 2009.- 448 tr; 24 cm.

Nội dung cuốn sách được chia ra làm 5 phần: Mẫu văn bản pháp quy và văn bản hành chính thông dụng; Hợp đồng dân sự ; Hợp đồng lao động; Hợp đồng kinh tế, thương mại; Hợp đồng kinh tế quốc tế.

KHPL: 651.752

172/ Hoạch định chiến lược kinh doanh/ Th.S Nguyễn Thanh Hải.- H.: Bru Điện, 2007 .- 162 tr; 21 cm.

Trình bày tư tưởng hoạch định chiến lược; Mục tiêu của doanh nghiệp; Đánh giá tổng quan tình hình nội lực; Phân tích môi trường kinh doanh; Những chiến lược thay thế và lựa chọn chiến lược; Thực hiện chiến lược kinh doanh; Hoạch định trong môi trường bất ổn

KHPL: 658.

173/ Thương mại điện tử/ TS Nguyễn Hoài Anh, ThS Ao Thu Hoài.- H.: Bru Điện, 2007.- 331 tr; 21 cm.

Tổng quan về thương mại điện tử; Cơ sở phát triển thương mại điện tử; Các hình thức giao dịch trong thương mại điện tử; Thanh toán điện tử; Xây dựng giải pháp thương mại điện tử và doanh nghiệp Việt nam với thương mại điện tử.

KHPL: 658.004678

174/ Quản lý văn hoá nơi công sở/ PGS. TS Lê Như Hoa .- H.: Lao động, 2007 .- 199 tr; 21 cm

Gồm 3 chương: Chương 1. Những vấn đề lý luận về quản lý văn hoá nơi công sở; Chương 2. Nội dung chủ yếu về quản lý văn hoá nơi công sở; Chương 3. Phương hướng tăng cường quản lý văn hoá nơi công sở.

KHPL: 658.306

175/ Quản lý nhà nước kinh tế: Giáo trình/ GS.TS Đỗ Hoàng Toàn, PGS.TS Mai Văn Bru.- H.- ĐH Kinh tế Quốc dân, 2009.- 415 tr; 21 cm.

Cung cấp những kiến thức lý luận, khái quát cơ bản quản lý nhà nước về kinh tế, quy luật và nguyên tắc nhà nước, công cụ và phương pháp quản lý của nhà nước, mục tiêu và các chức năng quản lývề kinh tế.

KHPL: 658.4

176/ Quản lý thị trường chiến lược/ Nguyễn Cảnh Chất.- H.: Lao động - Xã hội, 2009.- 598 tr; 24 cm.

Giới thiệu và khái niệm về Quản lý thị trường chiến lược; Phân tích chiến lược; Những chiến lược mà doanh nghiệp có thể lựa chọn; Chiến lược kiểu tăng trưởng; Thực thi chiến lược.

KHPL: 658.4012

177/ Chiến lược & chiến thuật quảng bá marketing du lịch/ MBA. Nguyễn Văn Dung.- H.: Giao thông vận tải, 2009.- 230 tr; 24 cm.

Giới thiệu các chiến lược và chiến thuật quảng bá tiếp thị Du lịch, đặc biệt trong kỷ nguyên mới với tiếp thị trực tuyến dựa trên công nghệ máy tính mạng internet, quảng cáo và quan hệ công chúng; Khuyến mãi, bán hàng và bán hàng cá nhân; Brochure, những thông tin dạng in ấn và dạng điện tử; Các kênh phân phối trong du lịch; Marketing trực tiếp, ..

KHPL: 658.8

178/ Marketing dịch vụ/ PGS.TS Lưu Văn NghiêM.- H.: ĐH Kinh tế Quốc Dân, 2008.- 414 tr; 21 cm.

Trình bày bản chất của marketing dịch vụ, xây dựng mục tiêu dịch vụ có hiệu quả, định vị dịch vụ, vai trò và kiểm soát trong giao tiếp cá nhân dịch vụ, năng suất dịch vụ, chất lượng dịch vụ, chiến lược phát triển dịch vụ, nguy cơ trong phát triển và quản lý chiến lược phát triển,...

KHPL: 658.8

179/ Marketing Ngân hàng/ TS. Trịnh Quốc Trung (chủ biên), ThS. Nguyễn Văn.- TP.HCM.: Thống kê, 2009.- 718 tr; 24 cm.

Cuốn sách trình bày những kiến thức, nguyên lý cơ bản về Marketing ngân hàng, vai trò của Marketing ngân hàng; nghiên cứu thị trường và xác định thị trường mục tiêu trong kinh doanh ngân hàng, chiến lược marketing ngân hàng...

KHPL: 658.8

180/ Quản trị hoạt động thị trường tiêu dùng/ MBA. Nguyễn Văn Dung.- Tp.HCM.: Tài chính, 2009.- 240 tr; 21 cm.

Xác định các phân khúc và thị trường mục tiêu, quản trị hệ thống bán lẻ - bán sỉ, hoạt động logistics thị trường.

KHPL: 658.8

181/ Đầu tư cho chiến lược hình ảnh thương hiệu = Investing in a Strategic Brand Image/ Richard Moore. – H. : Văn hóa thông tin, 2009. – 200 tr.; 30 cm

Tìm hiểu về Thương hiệu; Nền tảng cho bản sắc nhận diện Thương hiệu; Xây dựng các yếu tố cốt lõi của bản sắc nhận diện Thương hiệu; Áp dụng bản sắc nhận diện Thương hiệu trên các phương tiện truyền thông; Kích hoạt và lưu giữ bản sắc nhận diện Thương hiệu; ...

KHPL: 658.827

182/ Xây dựng thương hiệu mạnh/ MBA. Nguyễn Văn Dung.- H.: Giao thông vận tải, 2009.- 230 tr; 24 cm.

Giới thiệu sáng tạo tài sản thương hiệu, nghệ thuật định vị thương hiệu, đối mặt với cạnh tranh.

KHPL: 658.827

183/ Chiến lược thương hiệu Châu Á/ Martin Roll. – H.: Lao động – Xã hội, 2009. – 411 tr.; 21 cm

Giới thiệu về chiến lược thương hiệu; Thương hiệu chìa khóa thành công của chiến lược kinh doanh; Thay đổi cách hiểu văn hóa và khách hàng Châu Á; Công cuộc xây dựng thương hiệu quốc gia; Xây dựng thương hiệu dựa vào nhân vật nổi tiếng ở Châu Á; Chiến lược thương hiệu Châu Á; Các thương hiệu Châu Á thành công; Các thương hiệu Châu Á đầy tham vọng...

KHPL: 658.827 950

184/ Công nghệ chăm sóc khách hàng: 100 giải pháp ứng xử dịch vụ khách hàng/ Viện nghiên cứu và đào tạo về quản lý.- H.: Lao động - Xã hội, 2008.- 401 tr; 21 cm.

Giới thiệu và hệ thống các kiến thức, phương pháp và kỹ năng cơ bản về quản lý kinh doanh tiêu thụ: Quản lý thông tin của khách hàng, nguồn nhân lực phục vụ khách hàng, cách viết thư gửi khách hàng, lễ nghi phục vụ khách hàng, giao tiếp với khách hàng một cách có hiệu quả, quản lý chất lượng dịch vụ khách hàng,...

KHPL: 658.834

185/ 62 chiến dịch PR xuất sắc/ Trần Anh.- H.: Lao động, 2008.- 615 tr.; 21cm.

Đưa ra những ví dụ sử dụng PR thành công nhất để tiếp thị hàng hóa, dịch vụ mới, đối phó với khủng hoảng, tổ chức các sự kiện đặc biệt và tìm kiếm nhà tài trợ. Đồng thời, trong mỗi tình huống được giới thiệu, đều có tính độc đáo và được miêu tả theo mô hình chuẩn: khái quát – nghiên cứu tình huống – ...

KHPL: 659.2

700. KIẾN TRÚC

186/ Nghệ thuật kiến trúc Nhật Bản/ Young David Michiko.- Tp.HCM.: Mỹ thuật, 2007 .- 221 tr; 21 cm.

Tác giả trình bày, dẫn chứng và lý giải kèm theo những hình ảnh, biểu đồ minh họa từ chỗ ở buổi đầu là hầm hố đến lâu đài, nhà ở, phòng trà; từ đền chùa Phật giáo, các điện thờ Thần đạo, các nhà hát và thành quách ... những cấu trúc có từ thời tiền sử đến những biệt thự, cao ốc đầy đủ tiện nghi tân kỳ và hiện đại vào cuối thế kỷ 20.

KHPL: 720.52

187/ Những kiến trúc sư nổi tiếng thế giới: Tập 1/ Nghệ thuật Kiến trúc.- H.: Kim Đồng, 2006 .- 264 tr; 19 cm.

Giới thiệu 10 gương mặt kiến trúc sư hàng đầu thế giới được tôn vinh trong "Tủ sách nghệ thuật kiến trúc" ...

KHPL: 720.92

188/ Thế hệ kiến trúc sư Việt Nam đầu tiên/ Đoàn Đức Thành (chủ biên).- H.: Văn Hóa - Thông Tin, 2008 .- 203 tr; 25 cm.

Giới thiệu thế hệ kiến trúc sư Việt Nam đầu tiên: Bối cảnh lịch sử xã hội và sự hình thành thế hệ kiến trúc sư đầu tiên; Hoạt động sáng tác của thế hệ kiến trúc sư đầu tiên; Các hoạt động nghề nghiệp; Hoạt động xã hội; Giới thiệu tiểu sử của các kiến trúc sư và công trình gắn với tên tuổi.

KHPL: 720.92597

900. LỊCH SỬ

189/ Kỳ tích văn minh thế giới/ Nguyễn Văn Huân.- Hải Phòng.: NXB Hải Phòng, 2008.- 375 tr; 21 cm.

Cuốn sách chọn lọc ra 87 kì quan văn minh, gồm 5 phần lớn: Cung điện; thành trì quan trọng, các thánh địa tôn giáo, các nền văn minh cổ, các thành phố nổi tiếng trong lịch sử, các kì quan kiến trúc; mỗi phương diện đều thể năng lực sáng tạo phi thường của con người....

KHPL: 900

190/ Rome đế quốc hùng mạnh nhất/ Nigel Rodgers.- H.: Phụ Nữ, 2008 .- 127 tr; 30 cm.

Một lịch sử- Rome- được minh họa bằng hình ảnh về quyền lực và chính trị: Lãnh đạo, chiến tranh, chinh phục, cai trị và nền tảng của thế giới.

KHPL: 945

191/ Văn hóa phương Đông những huyền thoại/ Clio Whit Taker; Trần Văn Huân (dịch).- H.: Mỹ thuật, 2002.- 126tr; 27 cm.

Giới thiệu những huyền thoại, những chuyện cổ tích, những nền văn minh Trung Hoa, Ấn Độ, Nhật Bản

KHPL: 959

910. DU LỊCH

192/ Du lịch sinh thái = Ecotourism/ GS.TSKH Lê Huy Bá, Ths. Thái Lê Nguyên.- H.: Khoa học và Kỹ thuật, 2006.- 346 tr; 24 cm.

Phần I, II, III: Nhập môn du lịch sinh thái, Đại cương về sinh thái môi trường học, Ảnh hưởng của điều kiện môi trường lên sinh vật và con người - Sự tương tác, tính chịu đựng và khả năng thích nghi., Sinh thái học quần thể - Quần Xã... Phần IV: Giới thiệu một số vùng điển hình ở Việt Nam có khả năng phát triển du lịch sinh thái.

KHPL: 910.577

